

Số: /2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy trình kiểm tra nội dung  
về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi,  
bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14, Luật số 88/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi  
Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế,  
chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một  
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký  
doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết  
Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm  
tra chuyên ngành;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2026.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT (Bùi Tuấn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Việt**

## QUY TRÌNH

Kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

###### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, thời hạn, tần suất kiểm tra; lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra; nội dung, trình tự kiểm tra; tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra; theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động kiểm tra; xử lý trách nhiệm trong công tác kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La.

###### 2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Doanh nghiệp;

c) Hộ kinh doanh;

d) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính; Ban quản lý khu công nghệ cao đối với doanh nghiệp có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao); Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã (Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã);

đ) Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh: UBND tỉnh; UBND xã, phường;

e) Cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế;

g) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký doanh nghiệp, đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh.

## **Điều 2. Nguyên tắc kiểm tra**

1. Tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15; không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm toán nhà nước của cơ quan có thẩm quyền; không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành khác; bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả; tuân thủ quy định về các hành vi nghiêm cấm trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại Điều 5 Nghị định 217/2025/NĐ-CP về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

2. Công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Ưu tiên kiểm tra theo dữ liệu trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm, sử dụng phương thức hậu kiểm sau đăng ký.

4. Kết hợp kiểm tra hồ sơ điện tử và hồ sơ tại trụ sở doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc, hộ kinh doanh.

5. Bảo đảm nguyên tắc bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật trong quá trình kiểm tra.

## **Chương II**

### **THẨM QUYỀN, HÌNH THỨC, THỜI GIAN VÀ TẦN SUẤT KIỂM TRA**

#### **Điều 3. Thẩm quyền kiểm tra của cơ quan đăng ký kinh doanh**

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tổ chức kiểm tra đối với các doanh

nghiệp trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền cấp đăng ký doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tổ chức kiểm tra các hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

#### **Điều 4. Hình thức kiểm tra**

##### **1. Kiểm tra trực tiếp**

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã thực hiện kiểm tra trực tiếp tại trụ sở của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

##### **2. Kiểm tra gián tiếp**

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP theo thẩm quyền và cung cấp các tài liệu minh chứng để đối chiếu.

#### **Điều 5. Thời hạn và tần suất**

##### **1. Thời hạn kiểm tra**

Thời gian làm việc giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh và đối tượng được kiểm tra: Tối đa 03 ngày làm việc đối với hộ kinh doanh, 05 ngày đối với doanh nghiệp.

2. Tần suất kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp, cụ thể:

a) Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

b) Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, hộ

kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

### **Chương III** **NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ KIỂM TRA**

#### **Điều 6. Lập, phê duyệt, điều chỉnh và công khai kế hoạch kiểm tra**

##### **1. Lập kế hoạch kiểm tra**

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh phân tích xác định doanh nghiệp, hộ kinh doanh có rủi ro cao hoặc lựa chọn ngẫu nhiên theo tỷ lệ phù hợp với tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên cơ sở dữ liệu, hồ sơ đã có để lập danh sách kiểm tra theo thẩm quyền bảo đảm nguồn lực và năng lực thực hiện. Sở Tài chính phê duyệt danh sách và nội dung kiểm tra đối với doanh nghiệp (*sau khi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh*). UBND xã, phường phê duyệt danh sách và nội dung kiểm tra đối với hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý (*sau khi xin ý kiến các sở, ban ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan*);

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn rà soát danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh được kiểm tra tránh trùng lặp, bảo đảm theo quy định tại Điều 2, Điều 5 Quy trình này.

c) Trình cơ quan cấp trên phê duyệt kế hoạch kiểm tra.

##### **2. Phê duyệt kế hoạch kiểm tra**

a) UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch kiểm tra của Ban Quản lý khu công nghệ cao;

b) Sở Tài chính phê duyệt kế hoạch kiểm tra của Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính;

c) UBND xã, phường phê duyệt kế hoạch kiểm tra của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

##### **3. Điều chỉnh, công khai kế hoạch**

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh trình cơ quan cấp trên điều chỉnh kế

hoạch đã phê duyệt khi có phát sinh, thay đổi, chồng chéo, trùng lặp đối tượng kiểm tra với các cơ quan, đơn vị khác bảo đảm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Quy trình này;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh công khai kế hoạch kiểm tra trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính; cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã công khai kế hoạch kiểm tra trên cổng thông tin điện tử của UBND xã, phường.

## **Điều 7. Nội dung và trình tự kiểm tra**

### **1. Nội dung kiểm tra**

Kiểm tra tính trung thực và đầy đủ của các nội dung đã đăng ký; kiểm tra việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15; Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

a) Kiểm tra trụ sở chính/địa điểm kinh doanh: Việc hoạt động theo địa chỉ đã đăng ký; đăng ký thay đổi địa điểm kinh doanh theo quy định.

b) Kiểm tra ngành, nghề kinh doanh: Việc hoạt động kinh doanh có đúng ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký; việc kinh doanh các ngành, nghề nhưng chưa đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.

c) Kiểm tra về việc góp vốn điều lệ, tiến độ góp vốn, việc thay đổi vốn điều lệ và các nội dung khác liên quan theo quy định.

d) Kiểm tra thông tin về người đại diện theo pháp luật/chủ hộ kinh doanh: Tính chính xác, hợp pháp của thông tin cá nhân, việc tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15; Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

e) Kiểm tra về quyền và nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

f) Các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã xây dựng, tổ chức kiểm tra theo trình tự sau:

a) Thành lập Đoàn kiểm tra: Trên cơ sở danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã được phê duyệt; cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã thành lập Đoàn kiểm tra.

b) Thông báo kiểm tra: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã thông báo lịch kiểm tra, nội dung kiểm tra đến từng doanh nghiệp, hộ kinh doanh trước tối thiểu 03 ngày làm việc (*trừ trường hợp kiểm tra đột xuất*).

c) Thực hiện kiểm tra: Đoàn kiểm tra công bố quyết định, yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra và giải trình các vấn đề liên quan. Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh với thực tế; kiểm tra việc tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15; Nghị định số 168/2025/NĐ-CP. Thông báo kết quả kiểm tra, các vi phạm (nếu có) và căn cứ xác định vi phạm cho đối tượng kiểm tra.

d) Lập biên bản kiểm tra: Lập biên bản kiểm tra tại thời điểm kiểm tra. Biên bản phải ghi rõ kết quả, vi phạm (*nếu có*), kiến nghị và biện pháp khắc phục theo quy định nếu có vi phạm. Biên bản phải được ký giữa Đoàn kiểm tra và đại diện của đối tượng kiểm tra.

Trường hợp đại diện của đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản, Đoàn kiểm tra ghi rõ lý do, lập biên bản về việc từ chối ký; mời đại diện chính quyền địa phương, công an xã, phường hoặc tổ chức, cá nhân làm chứng (nếu có) ký xác nhận; biên bản vẫn có giá trị pháp lý và được gửi cho đối tượng kiểm tra theo quy định.

đ) Tổng hợp và báo cáo: Tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm tra với cơ quan có thẩm quyền.

e) Ban hành kết luận kiểm tra: Ban hành kết luận kiểm tra sau khi kết thúc hoạt động kiểm tra, làm căn cứ tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy trình này. Kết luận chỉ rõ sai phạm (nếu có), căn cứ pháp lý và biện pháp xử lý.

g) Xử lý vi phạm, chuyển giao: Tham mưu ban hành Quyết định xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã phát hiện các hành vi vi phạm của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc, hộ kinh doanh ngoài các nội dung thuộc thẩm quyền được kiểm tra, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kịp thời xử lý vi phạm.

Có biện pháp cưỡng chế đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh không thực hiện theo các nội dung Kết luận, biện pháp khắc phục theo quy định.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra**

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra; hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện các biện pháp khắc phục, chấn chỉnh theo kết luận kiểm tra.

2. Trường hợp quá thời hạn quy định tại kết luận kiểm tra mà doanh nghiệp, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, cơ quan đăng ký kinh doanh báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý hoặc áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật.

3. Kết quả thực hiện kết luận kiểm tra là căn cứ để đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật, phục vụ công tác quản lý rủi ro và lập kế hoạch kiểm tra trong các năm tiếp theo.

### **Điều 9. Theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra**

1. Sở Tài chính chủ trì theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai hoạt động kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các trường hợp kiểm tra không đúng quy định, chông chéo, trùng lặp hoặc gây phiền hà cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm cập nhật, báo cáo đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm tra, kết luận kiểm tra và tình hình thực hiện kết luận kiểm tra theo yêu cầu của Sở Tài chính.

3. Việc theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra được thực hiện thông qua hệ thống quản lý điện tử và báo cáo định kỳ, bảo đảm công khai, minh bạch và phục vụ công tác quản lý nhà nước.

## **Chương IV**

### **CÔNG TÁC PHỐI HỢP, CHIA SẺ THÔNG TIN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

#### **Điều 10. Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin**

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, xã và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phối hợp chia sẻ danh sách đơn vị kiểm tra cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn bảo đảm tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 198/2025/QH15.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh được yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước khác (Thuế, Công an, Quản lý thị trường...) cung cấp thông tin, phối hợp thực hiện kiểm tra khi cần thiết, đặc biệt khi có dấu hiệu vi phạm phức tạp theo quy định tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh.

3. Trường hợp trong quá trình kiểm tra phát hiện có dấu hiệu vi phạm rõ ràng thuộc chức năng, thẩm quyền của cơ quan, đơn vị khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, cấp tỉnh thông báo bằng văn bản đến cơ quan, đơn vị đó để xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 11. Ứng dụng công nghệ thông tin**

1. Thực hiện quản lý hồ sơ, biên bản, kết luận kiểm tra và các tài liệu có liên quan bằng phương thức điện tử; bảo đảm việc lưu trữ, cập nhật, tra cứu và sử dụng dữ liệu phục vụ hoạt động kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật.

2. Triển khai việc kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu phục vụ kiểm tra với Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, cơ sở dữ liệu thuế và các hệ thống thông tin có liên quan theo quy định.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổng hợp, phân tích dữ liệu để xác định đối tượng có dấu hiệu vi phạm hoặc có rủi ro cao, phục vụ việc lập kế hoạch kiểm tra và thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Chủ trì, hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc triển khai quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong công tác kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và quy trình này.

2. Chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tổ chức kiểm tra đối với doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Quy trình này.

3. Theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của UBND các xã, phường**

1. Chỉ đạo, đôn đốc và giám sát cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc tổ chức thực hiện kiểm tra đối với hộ kinh doanh; tổng hợp báo cáo Sở Tài chính định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất.

2. Thực hiện việc xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính; lập hồ sơ và chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với các hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền; theo dõi kết quả xử lý vi phạm do cơ quan có thẩm quyền thực hiện để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu, thông tin báo cáo trong quá trình xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã**

1. Tuân thủ đúng quy trình, nội dung kiểm tra tại quy trình này.
2. Lập hồ sơ, tham mưu hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định.
3. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện việc nộp phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có); thực hiện các biện pháp nghiệp vụ sau kiểm tra; phối hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét, chỉ đạo, xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kết luận kiểm tra theo quy định.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra**

Doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện kết luận trong thời hạn quy định và phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định nếu có vi phạm.

#### **Điều 16. Xử lý trách nhiệm trong công tác kiểm tra**

1. Cán bộ, công chức có hành vi sách nhiễu, gây phiền hà, nhận lợi ích, tiết lộ thông tin, làm sai lệch hồ sơ, báo cáo, kết luận kiểm tra hoặc bao che vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định; trường hợp có dấu hiệu vi phạm hình sự thì chuyển cơ quan điều tra.
2. Trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm liên đới nếu để xảy ra sai phạm trong phạm vi nhiệm vụ được giao.
3. Đối tượng kiểm tra có hành vi cố tình cung cấp thông tin sai lệch, cản trở kiểm tra, trốn tránh hoặc không thực hiện kết luận kiểm tra bị xử lý theo quy định pháp luật.

